

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
T KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HN-ST**

Ngày: 30/3/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, T KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nhâm Đức Hùng

2. Bà Nguyễn Hải Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, T Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Lực, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 412/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST - HN ngày 09/3/2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1984.

\* *Bị đơn:* Anh Liêu Văn T, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Ấp VII, xã VHP, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày và yêu cầu như sau:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2004, trước khi chung sống anh chị có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/2004.

Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại ấp Vĩnh Hòa II đến tháng 5/2020 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị Ng dẫn 02 con ra nhà trọ ở và ly thân với anh T cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không quan tâm đến vợ con, anh làm ra tiền nhưng không lo cho kinh tế gia đình, vợ chồng luôn cự cãi vì không có tiếng nói chung. Ngoài ra, anh T thường xuyên say sưa, nhiều lần đánh và chửi chị. Anh T có hứa sẽ thay đổi nhưng đến nay anh vẫn không thay đổi được mặc dù gia đình hai bên có khuyên ngăn.

Trong thời gian ly thân, anh T có liên lạc kêu chị quay về nhưng mỗi lần chị không đồng ý quay về là anh T chửi chị rất nhiều. Do xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Liêu Văn T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Liêu Việt P, sinh ngày 10/9/2006 và cháu Liêu Thái B, sinh ngày 13/12/2011. Hiện nay 02 cháu đang chung sống cùng chị Ng.

Nay vợ chồng ly hôn, chị Ng đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T không tạo lập được tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Ng xác nhận, trong quá trình chung sống chị và anh T không có phát sinh nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Liêu Văn T trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh T xác nhận, anh và chị Ng chung sống với nhau từ năm 2004, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/2004. Anh chị có 02 con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung như chị Ng trình bày là đúng.

Về nguyên nhân chị Ng xin ly hôn là do khi chung sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhưng anh không có đánh chị Ng. Anh xác định, anh và chị Ng không còn chung sống với nhau từ tháng 07/2021 đến nay. Khi chị Ng bỏ nhà đi, anh có nhận lỗi và có kêu chị Ng quay về nhưng chị Ng không đồng ý.

Nay, anh không đồng ý ly hôn với yêu cầu của chị Ng. Nếu chị Ng cương quyết ly hôn thì anh vẫn không ly hôn, yêu cầu chị Ng quay về để vợ chồng chung sống và cùng lo cho các con. Trường hợp, Tòa giải quyết cho chị Ng được

*Bản án HNST số 16, ngày 30/3/2022 (Ng - T)*

ly hôn thì anh yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Anh T xác nhận, trong quá trình chung sống giữa anh và chị Ng không có phát sinh tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:*

- *Chị Ng và anh T:* Vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng:* Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Liêu Văn T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp Vĩnh Hòa II, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị Ng và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng và anh T.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ng và anh T chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/2004 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Ng về việc ly hôn với anh T. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng và anh T xác định, trong thời gian chung sống

anh chị thường xuyên cự cãi không hàn gắn được. Chị Ng đã dọn ra ở nhà trọ mặc dù anh T có nhận lỗi và kêu chị Ng quay về nhưng chị không đồng ý, anh chị đã ly thân và mâu thuẫn vợ chồng kéo dài cho đến nay không hàn gắn được.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống nhưng chị Ng cương quyết ly hôn mặc dù anh T không đồng ý ly hôn.

Mặc khác, theo như chị Ng và anh T trình bày thì anh chị đã có khoảng thời gian ly thân dài (trên 6 tháng) nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, anh chị cũng không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, đã làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Ng được ly hôn với anh T.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Ng và anh T xác định, anh chị có 02 con chung là cháu Liêu Việt P (sinh ngày 10/9/2006) và cháu Liêu Thái B (sinh ngày 13/12/2011) hiện nay đang chung sống cùng chị Ng. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. HĐXX xét thấy, yêu cầu nuôi con của anh T phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu Việt P và Thái B. Đồng thời, chị Ng cũng đồng ý theo yêu cầu của anh T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, anh T có quyền yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Ng và anh T xác định, không có phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Ng phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn với anh Liêu Văn T.

2. *Về con chung*: Giao 02 cháu Liêu Việt P (sinh ngày 10/9/2006, giới tính nam) và cháu Liêu Thái B (sinh ngày 13/12/2011, giới tính nam) cho anh T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, chị Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Nguyễn Thị Ng chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000828 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị Ng không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Ng và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**